

| VNINDEX         | HNX           | UPCOM         | DOW JONES        | NIKKEI 225       | DAX              |
|-----------------|---------------|---------------|------------------|------------------|------------------|
| 1,685.83 +0.32% | 268.04 +0.47% | 112.64 +1.51% | 47,632.00 -0.16% | 51,307.65 +2.17% | 24,124.21 -0.64% |



**Nhận định thị trường và chiến lược**

“**Tâm lý lưỡng lự**”

Kết thúc phiên giao dịch, VN-Index tăng +5.33 điểm (+0.32%) lên mức 1685.83 điểm với 246 mã tăng, 88 mã giảm và 39 mã tham chiếu. Tổng giá trị giao dịch trên sàn HOSE đạt 25,749 tỷ đồng, tương ứng giảm -13.12% so với phiên trước.

Phiên giao dịch diễn ra với sự giằng co giữa 2 phe mua - bán chủ động. Về ngành, ở nhóm ngành vốn hóa lớn, Ngân hàng (+1.47%) tăng nhẹ trong khi Dịch vụ tài chính (-0.03%) giảm điểm. Bất động sản (-2.01%) cũng giảm điểm do áp lực bán của các cổ phiếu nhà VinGroup gồm VIC (-3.68%), VRE (-2.31%), VHM (-2.99%). Thị trường nghiêng về sắc xanh với các nhóm ngành Dầu khí (+3.76%), Tài nguyên cơ bản (+1.91%), Hóa chất (+1.73%). Các cổ phiếu đáng chú ý: CTD, HAG, NT2, BSR tăng trần, NLG (+4.91%), OCB (+4.23%), GMD (+4.06%).

Diễn biến các chỉ số chính: VN-Index (+0.32%), HNX-Index (+0.47%), UPCOM-Index (+1.51%), VN30 (+0.02%), VNMIID (+1.08%), VNSML (+1.37%), VNDIAMOND (+1.28%), VNFINLEAD (+1.11%), VNCOND (+0.01%), VNCONS (+1.12%).

Các cổ phiếu tác động tích cực tới VN-Index: VCB (+1.34 điểm), BID (+1.12 điểm), HDB (+1.04 điểm). Ngược lại, VIC (-7.00 điểm), VHM (-2.95 điểm), VRE (-0.43 điểm) là những mã tác động tiêu cực.

Khối ngoại bán ròng -1491.3 tỷ đồng trên HOSE. Các cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất: ACB (-778.89 tỷ), MBB (-149.58 tỷ), VIX (-137.19 tỷ). Ở chiều ngược lại, các cổ phiếu được mua ròng gồm: HDB (+166.76 tỷ), FPT (+117.12 tỷ), GEX (+86.01 tỷ).

**PHÂN TÍCH KỸ THUẬT**

Nổi tiếp nhịp hồi phục mạnh của phiên 28/10, VN-Index tăng nhẹ lên mốc 1685 điểm nhưng thanh khoản giảm 13% so với phiên trước. Trong phiên, nhịp rung lắc xuất hiện khi thị trường tăng hưng phấn lên gần mốc 1700 điểm, lực mua và bán diễn ra ngang sức khiến chỉ số đóng cửa với nền Doji lưỡng lự.

Xu hướng ngắn hạn: Trên biểu đồ ngày, MA10 đã cắt xuống MA20, đường giá tiếp tục hồi phục vượt lên trên đường MA50 ngày tuy nhiên khối lượng giao dịch không đồng thuận cho thấy nhịp hồi phục không bền vững. Chỉ số đang tạo vùng tài phân phối với các phiên giao dịch lỏng lẻo, thị trường liên tục xuất hiện các phiên biến động lớn, khối lượng thấp, đặc biệt là thiếu hụt dòng tiền dẫn dắt, do đó các vị thế mua ngắn hạn đều không ưu tiên.

Xu hướng trung hạn: VN-Index tiếp tục rút chân trên đường MA10 tuần tuy nhiên các chỉ báo kỹ thuật đều suy yếu, chỉ báo MACD thu hẹp và cắt xuống đường tín hiệu, tiếp tục xác nhận xu hướng giảm trung hạn của VN-Index. Hiện tại, các nhóm ngành trên thị trường giao dịch phân hóa, trong đó đa phần nhiều nhóm ngành đã xác nhận giảm trên biểu đồ tuần, đặc biệt tại nhóm Ngân hàng, Chứng khoán, Bất động sản, Thép...Nhà đầu tư chờ đợi thị trường về điểm cân bằng.

Kết luận: Hiện tại nhịp hồi phục kỹ thuật của VN-Index đang diễn ra trong nhịp giảm điểm thứ 2, trong khi thị trường đã xác nhận điều chỉnh trên biểu đồ ngày và tuần. Giá và khối lượng trên biểu đồ ngày cho tín hiệu thị trường hồi phục không bền vững. Do đó các hành động mua vào không được ưu tiên. Nhà đầu tư chờ đợi thị trường về vùng cân bằng.

Với dự báo xu hướng của giai đoạn tới, chúng tôi đưa ra mức hỗ trợ - kháng cự như sau:

Kháng cự - hỗ trợ:

Kháng cự 3: 1813-1820

Kháng cự 2: 1740-1780

Kháng cự 1: 1727-1740

Hỗ trợ 1: 1586-1606

Hỗ trợ 2: 1486-1530

Hỗ trợ 3: 1300-1340

**CHIẾN LƯỢC HÀNH ĐỘNG**

Thị trường đang trong giai đoạn hé lộ kết quả kinh doanh Q3/2025, do đó các cổ phiếu sẽ vận động khó lường. Hiện tại VN-Index đang có nhịp hồi kỹ thuật kém bền vững trên biểu đồ ngày, nhà đầu tư tận dụng các phiên hồi để hạ bớt vị thế và chốt lời thành quả. Thị trường đã xác nhận điều chỉnh trên biểu đồ ngày, tuần, và đang trong nhịp giảm điểm thứ 2 trên biểu đồ ngày. Các giao dịch mua vào đều không ưu tiên.

Hạn chế giao dịch với cổ phiếu khi giá và khối lượng không đồng thuận. Các hành động mua mới cần chờ đợi khi thị trường về trạng thái cân bằng an toàn.

**BÁO CÁO CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP**

- Báo cáo cập nhật Kết quả kinh doanh SCS
- Báo cáo cập nhật Kết quả kinh doanh CTR
- Bản tin Tiêu điểm ngành (24/10/2025)

**TIN TỨC THẾ GIỚI**

- Fed giảm lãi suất 0,25%
- SoftBank, Toshiba cùng loạt doanh nghiệp Nhật dự kiến rút ít nhất 400 tỷ USD vào Mỹ
- WTO: Hoạt động thương mại của Anh chững lại sau Brexit

**TIN TỨC NỔI BẬT TRONG NGÀY**

- Hà Nội xây dựng kế hoạch tăng trưởng trên 11% cho giai đoạn 2026-2030
- Cảm nhận rõ "sóng" đầu tư công, VinaCapital dự báo kinh tế Việt Nam tăng 8% trong năm 2026
- Hoàn thiện dự thảo Nghị định về đặt hàng cung cấp dịch vụ, hàng hóa công nghiệp đường sắt

**LỊCH SỰ KIỆN ĐÁNG CHÚ Ý**

30/10/2025: FED công bố lãi suất điều hành

31/10/2025: Công bố sơ bộ GDP VN

Các quỹ ETF Diamond có cấu chỉ số

| Chỉ số thị trường Việt Nam | 29/10/2025 | (+/-%) 1 phiên | (+/-%) 7 phiên | (+/-%) 30 phiên |
|----------------------------|------------|----------------|----------------|-----------------|
| VNINDEX                    | 1,685.83   | 0.32%          | 1.35%          | 1.24%           |
| VNINDEX GTGD (Tỷ VND)      | 25,772.61  | -13.26%        | -47.26%        | -7.38%          |
| HNX                        | 268.04     | 0.47%          | 1.28%          | -3.21%          |
| HNX GTGD (Tỷ VND)          | 1,819.25   | -26.09%        | -50.69%        | -21.16%         |
| Upcom                      | 112.64     | 1.51%          | 2.91%          | 1.39%           |
| Upcom GTGD (Tỷ VND)        | 727.81     | 7.08%          | -7.37%         | 18.95%          |
| P/E VNindex (x)            | 14.89      | -0.53%         | 1.92%          | -1.97%          |
| P/B VNindex (x)            | 2.07       | 0.00%          | 1.97%          | 0.00%           |

| TOP TĂNG/GIẢM THEO VỐN HÓA TRÊN SÀN HOSE |     |                           |     |                           |     |                           |     |                           |     |                            |     |                            |  |
|------------------------------------------|-----|---------------------------|-----|---------------------------|-----|---------------------------|-----|---------------------------|-----|----------------------------|-----|----------------------------|--|
| Top cổ phiếu VN30                        |     | Top 5 mã tăng giá 1 phiên |     | Top 5 mã giảm giá 1 phiên |     | Top 5 mã tăng giá 7 phiên |     | Top 5 mã giảm giá 7 phiên |     | Top 5 mã tăng giá 30 phiên |     | Top 5 mã giảm giá 30 phiên |  |
| 1                                        | VJC | 4.05%                     | VIC | -3.68%                    | GVR | 10.63%                    | SSI | -7.77%                    | VIC | 46.21%                     | BVH | -14.48%                    |  |
| 2                                        | HDB | 3.73%                     | VHM | -2.99%                    | LPB | 10.00%                    | VRE | -7.35%                    | VJC | 39.56%                     | SSI | -10.53%                    |  |
| 3                                        | SHB | 2.75%                     | VRE | -2.31%                    | FPT | 9.35%                     | VHM | -6.40%                    | VRE | 19.04%                     | SSB | -10.25%                    |  |
| 4                                        | LPB | 2.08%                     | VIB | -1.04%                    | VJC | 8.39%                     | MBB | -3.75%                    | LPB | 18.72%                     | MBB | -9.14%                     |  |
| 5                                        | GVR | 2.00%                     | SSI | -0.70%                    | GAS | 7.50%                     | TCB | -3.32%                    | HDB | 8.79%                      | VIB | -7.54%                     |  |
| Top cổ phiếu Mid cap                     |     | Top 5 mã tăng giá 1 phiên |     | Top 5 mã giảm giá 1 phiên |     | Top 5 mã tăng giá 7 phiên |     | Top 5 mã giảm giá 7 phiên |     | Top 5 mã tăng giá 30 phiên |     | Top 5 mã giảm giá 30 phiên |  |
| 1                                        | KHG | 6.97%                     | SVC | -7.00%                    | SVC | 29.89%                    | GEX | -9.11%                    | SVC | 54.09%                     | SJS | -20.28%                    |  |
| 2                                        | CTD | 6.97%                     | SJS | -1.87%                    | CTD | 18.81%                    | HT1 | -8.51%                    | CTD | 22.00%                     | NKG | -18.34%                    |  |
| 3                                        | HAG | 6.94%                     | HVN | -1.81%                    | NT2 | 16.63%                    | CI1 | -7.22%                    | BMP | 14.40%                     | AGG | -17.75%                    |  |
| 4                                        | NT2 | 6.87%                     | CRE | -1.25%                    | PHR | 11.35%                    | NVL | -5.90%                    | NT2 | 13.09%                     | VGC | -17.07%                    |  |
| 5                                        | BSR | 6.84%                     | VND | -1.20%                    | KHG | 11.16%                    | SJS | -5.84%                    | VTP | 12.59%                     | VSC | -15.11%                    |  |
| Top cổ phiếu Small cap                   |     | Top 5 mã tăng giá 1 phiên |     | Top 5 mã giảm giá 1 phiên |     | Top 5 mã tăng giá 7 phiên |     | Top 5 mã giảm giá 7 phiên |     | Top 5 mã tăng giá 30 phiên |     | Top 5 mã giảm giá 30 phiên |  |
| 1                                        | LDG | 6.96%                     | SSC | -6.06%                    | ABT | 16.83%                    | VNE | -12.52%                   | SRC | 20.48%                     | PMG | -40.08%                    |  |
| 2                                        | SMC | 6.94%                     | SGR | -2.46%                    | HAH | 13.76%                    | VPS | -11.79%                   | CDC | 16.58%                     | DAT | -34.52%                    |  |
| 3                                        | DRH | 6.91%                     | FRT | -2.03%                    | HAX | 13.28%                    | VIX | -9.22%                    | NAF | 16.02%                     | BCG | -26.24%                    |  |
| 4                                        | DAT | 6.89%                     | FTS | -1.84%                    | HAX | 12.69%                    | TYA | -7.89%                    | DTL | 14.05%                     | TCB | -25.59%                    |  |
| 5                                        | VPH | 6.88%                     | HAP | -1.69%                    | DHA | 12.40%                    | SSC | -6.06%                    | TIX | 13.95%                     | COM | -25.27%                    |  |

| TỔNG HỢP CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI, TỶ GIÁ VÀ HÀNG HÓA |                     |            |                |                |                 |
|---------------------------------------------------------|---------------------|------------|----------------|----------------|-----------------|
|                                                         |                     | 29/10/2025 | (+/-%) 1 phiên | (+/-%) 7 phiên | (+/-%) 30 phiên |
| TTCK Toàn cầu                                           |                     |            |                |                |                 |
| DAX                                                     |                     | 24,124.21  | -0.64%         | -0.85%         | 1.90%           |
| Dow Jones                                               |                     | 47,632.00  | -0.16%         | 1.51%          | 3.23%           |
| FTSE 100                                                |                     | 9,756.14   | 0.61%          | 3.49%          | 5.72%           |
| Nikkei 225                                              |                     | 51,307.65  | 2.17%          | 4.04%          | 14.27%          |
| S&P 500                                                 |                     | 6,890.59   | -0.00%         | 2.30%          | 3.90%           |
| Tỷ giá                                                  |                     |            |                |                |                 |
| USD/VND                                                 |                     | 26,328.00  | 0.09%          | -0.06%         | -0.35%          |
| USD/JPY                                                 |                     | 152.11     | -0.50%         | 0.91%          | 3.56%           |
| GBP/USD                                                 |                     | 1.33       | 0.00%          | -0.75%         | -2.21%          |
| EUR/USD                                                 |                     | 1.17       | 0.86%          | 0.86%          | -0.85%          |
| Năng lượng                                              |                     |            |                |                |                 |
| Dầu thô Brent                                           | USD/Bbl             | 65.94      | -0.08%         | 7.99%          | -2.22%          |
| Khí tự nhiên                                            | USD/MMBtu           | 3.82       | -1.29%         | 10.09%         | 29.93%          |
| Than                                                    | USD/T               | 103.90     | -0.34%         | -0.10%         | 0.53%           |
| Kim loại và vật liệu xây dựng                           |                     |            |                |                |                 |
| Thép                                                    | CNY/T               | 3,118.00   | 0.65%          | 2.70%          | 2.50%           |
| Đồng                                                    | Usd/Lbs             | 5.17       | 0.39%          | 5.51%          | 14.13%          |
| Quặng sắt                                               | USD/T               | 105.66     | 0.09%          | 0.12%          | 0.40%           |
| Vàng                                                    | USD/t.oz            | 3,982.87   | 0.03%          | -8.60%         | 8.82%           |
| Bạc                                                     | USD/t.oz            | 48.10      | -1.01%         | -7.39%         | 12.96%          |
| Thép cuộn cán nóng                                      | USD/T               | 847.00     | -1.05%         | 4.18%          | 1.93%           |
| Gỗ                                                      | USD/1000 board feet | 550.50     | -2.82%         | -10.20%        | -4.01%          |
| Nông nghiệp                                             |                     |            |                |                |                 |
| Lúa mì                                                  | USd/Bu              | 532.25     | 0.61%          | 6.40%          | 1.53%           |
| Lợn hơi                                                 | USd/Lbs             | 80.78      | -0.06%         | -3.00%         | -17.13%         |
| Cao su                                                  | USD Cents / Kg      | 174.00     | -0.23%         | 2.29%          | -0.40%          |
| Đường                                                   | USd/Lbs             | 14.39      | -0.48%         | -8.46%         | -7.40%          |
| Cà phê                                                  | USd/Lbs             | 403.00     | -1.74%         | 2.34%          | -3.51%          |

**BIỂU ĐỒ TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG NGÀY 29/10/2025**

**1. Độ rộng thị trường**

**2. Top cổ phiếu ảnh hưởng chỉ số**

**3. GTGD ròng nước ngoài 10 phiên (tỷ VND)**

**4. GTGD ròng tự doanh 10 phiên (tỷ VND)**

**5. Top GTGD NĐT nước ngoài trong phiên**

| Top 5 mua | GTGD ròng (triệu đồng) | KLGD (CP) |
|-----------|------------------------|-----------|
| HDB       | 108,771                | 1,901,547 |
| FPT       | 17,026                 | 1,145,547 |
| GEX       | 80,994                 | 1,704,990 |
| VJC       | 45,489                 | 234,802   |
| HAG       | 40,050                 | 645,300   |

**6. Top GTGD NĐT tự doanh trong phiên**

| Top 5 mua | GTGD ròng (triệu đồng) | KLGD (CP) |
|-----------|------------------------|-----------|
| HPG       | 10,831                 | 576,374   |
| TCB       | 10,439                 | 293,700   |
| FUEVFVND  | 5,496                  | 140,200   |
| PVS       | 3,201                  | 99,979    |
| VIX       | 2,604                  | 75,500    |

**Top 5 bán**

| Top 5 bán | GTGD ròng (triệu đồng) | KLGD (CP)  |
|-----------|------------------------|------------|
| HAF       | -6,146                 | -1,141,000 |
| HDB       | -5,171                 | -1,141,000 |
| MSN       | -4,074                 | -505,000   |
| VHM       | -3,100                 | -306,900   |
| VIC       | -2,400                 | -208,500   |

Trải nghiệm ngay ứng dụng  
ABS Invest

Trải nghiệm ngay bảng giá  
ABS Web Trading

**Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình**

Địa chỉ: 36 P. Hoàng Cầu, Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 024 3562 4626      Ext: 151

Email: [research@abs.vn](mailto:research@abs.vn)

Website: [ABS.VN](http://ABS.VN)

**KHUYẾN CÁO**

Báo cáo này được phát hành bởi Phòng Phân tích Đầu tư - Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (ABS). Người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của ABS.

Các thông tin, nhận định được ABS đưa ra dựa trên nguồn tin đáng tin cậy. Người sử dụng báo cáo cần tự chịu trách nhiệm khi sử dụng thông tin để ra quyết định mua, bán chứng khoán.

Trải nghiệm ngay ứng dụng  
ABS Invest

**NHẬN CÚ ĐÚP GIẢI THƯỞNG**

BEST NEW STOCK TRADING APP  
ABS INVEST - VIET NAM 2024

BEST SECURITIES HOUSE FOR RESEARCH  
IN VIET NAM 2024

Trải nghiệm ngay  
ABS Invest tốt đây